TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH PHÚ THỌ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 03/2022/DS-ST
Ngày: 27-4-2022
V/v "Tranh chấp quyền sử dụng đất"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH PHÚ THỌ

- T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông **Nguyễn Anh Tuấn**
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông **Nguyễn Đình Đại**.
2. Ông **Hoàng Đình Hà**.
- *Thư ký phiên toà:* **Hà Thị Tuyết Mai–** Thư ký Toà án nhân dân huyện Đ.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên toà:* Bà **Vũ Kim Duyên** - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đ, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 80/2021/TLST- DS ngày 11/10/2021 về việc "Tranh chấp quyền sử dụng đất", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2022/QĐXXST-DS ngày 31/3/2022 và thông báo mở phiên tòa số 03 ngày 14 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T- sinh năm 1944.
Người được ủy quyền của bà T: Chị Mai Thị P - sinh năm 1986.
Đều có địa chỉ: Khu 1, xã S, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ. Có mặt.
- Bị đơn: Bà Trần Thị M- sinh năm 1948.
Địa chỉ: Khu 1, xã S, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ. Có đơn xin xét xử vắng mặt.
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:
1, Chị Mai Thị P- sinh năm 1986.
Địa chỉ: Khu 1, xã S, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ. Có mặt.
2, Chị Mai Thị Bích Th- sinh năm 1979.
Địa chỉ: Khu 3, xã X, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang. Có mặt.
3, Anh Mai Xuân H- sinh năm 1976.
Địa chỉ: Tổ dân phố 3, phường B, thành phố R, tỉnh Khánh H.
Người đại diện theo ủy quyền của anh H: Chị Mai Thị P- sinh năm 1986.
Địa chỉ: Khu 1, xã S, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ. Có mặt.
4, Anh Đào Mạnh T1- sinh năm 1976.

Địa chỉ: Khu 1, xã S, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Bà Nguyễn Thị T (Ủy quyền cho chị Mai Thị P) khởi kiện bị đơn là bà Trần Thị M với nội dung như sau:

Bà Nguyễn Thị T và ông Mai Xuân M là vợ chồng, ông M đã chết năm 2019. Bà T và ông M sinh được 03 người con gồm: Mai Xuân H , Mai Thị Bích Th, Mai Thị P . Bà T và ông M không có bố mẹ nuôi, con nuôi, con riêng.

Bà T có tổng diện tích đất 6268m2 tại thửa số 35, tờ bản đồ số 8, địa chỉ: Khu 1, xã S, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ (Trước đây là thôn 4, xã S) đã được UBND huyện Đ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T 816555 ngày 26/02/2003 đứng tên hộ ông Mai Xuân M (ông M là chồng bà T). Nguồn gốc đất là do ông M và bà T khai phá từ khi lấy nhau, sau đó được Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất. Vào khoảng năm 1991 ông M và bà T có cho bà Trần Thị M mượn một ít đất để trồng sắn đến năm 1992 bà Mai không sử dụng nữa nên ông M và bà T lấy lại đất để trồng chè, đến năm 2014 thì bỏ chè để trồng keo. Cho đến khoảng tháng 9/2020 bà M đem cọc bê tông đóng mốc lấn chiếm đất của nhà bà T khoảng hơn 500m2. Trên diện tích đất này khi bà M lấn chiếm không có tài sản cây cối hoa màu gì của bà T vì nhà bà T vừa khai thác keo xong. Con trai bà M là anh Đào Mạnh T1 có trồng một số cây cối trên diện tích đất lấn chiếm. Nay bà T yêu cầu bà Mai trả lại diện tích đất lấn chiếm, anh T1 phải thu hoạch toàn bộ số cây do anh T1 đã trồng trên đất, bà M phải trả số tiền chi phí tố tụng cho viện đo đạc đất với số tiền 9.700.000đ.

- Bị đơn bà Trần Thị M trình bày:

Diện tích đất hiện bà T khởi kiện bà là diện tích đất thuộc quyền sử dụng của bà T do gia đình bà T đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên hộ ông Mai Xuân M. Nhưng nguồn gốc đất này là do bà khai hoang vào khoảng năm 1991, bà trồng sắn được hai năm thì cho bà T mượn. Khi cho mượn đất không lập văn bản mà chỉ nói miệng. Do bà chưa có nhu cầu sử dụng nên bà không đòi mãi đến năm 2020 do có nhu cầu sử dụng đất nên bà đã đòi nhưng bà T không trả. Bà đã lấy cọc bê tông đóng cọc làm mốc và sử dụng diện tích đất khoảng hơn 500m2 mà hiện nay đang tranh chấp. Khi bà đóng cọc làm mốc thì đất là đất trống, sau đó anh Đào Mạnh T1 là con trai bà có trồng khoảng 200 cây trên đất. Ngoài bà sử dụng đất và anh T1 là người trồng cây trên đất thì không có ai sử dụng đất nữa. Toàn bộ tài sản là cây cối trên đất là của anh T1. Nay do bà không xuất trình hay cung cấp được tài liệu chứng M quyền sử dụng đất của mình nên bà nhất trí trả lại cho bà T diện tích đất theo yêu cầu khởi kiện của bà T. Nhưng bà không nhất trí trả cho bà T số tiền chi phí tố tụng cho viện đo đạc đất với số tiền 9.700.000đ.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Mai Xuân H ủy quyền cho chị Mai Thị P, chị Mai Thị P, chị Mai Thị Bích Th đều trình bày:

Chị Phương, chị Th và anh H là con ruột của bà Nguyễn Thị T và ông Mai Xuân M. Diện tích đất hiện bà T khởi kiện bà Mai là diện tích đất thuộc quyền sử dụng của bà T, là tài sản chung của bà T và ông M. Hiện ông M đã chết, các anh chị là con không xin hưởng lợi gì từ thửa đất trên, chỉ đề nghị Tòa án buộc bà Mai phải trả cho bà T diện tích đất đã lấn chiếm. Các anh chị không có đóng góp gì đối với diện tích đất hiện đang tranh chấp.

Anh Đào Mạnh T1 trình bày:

Diện tích đất bà T khởi kiện bà M là diện tích đất thuộc quyền sử dụng của bà M. Nguồn gốc do bà M khai hoang nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Diện tích đất khoảng hơn 500m2 không có phần nào tiếp giáp với diện tích đất mà gia đình anh đang sử dụng, hiện anh trực tiếp sử dụng vào việc trồng khoảng 200 cây keo 1 năm tuổi. Nay do bà M không cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng M quyền sử dụng đất của bà M nên bà M đồng ý trả lại diện tích đất đó cho bà T. Anh sẽ tự thu hoạch toàn bộ số cây do anh trồng trên đất để trả lại đất cho bà T và không yêu cầu bà T phải thanh toán giá trị cây keo cho anh.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án nhân dân huyện Đ đã ra quyết định thành lập hội đồng định giá tài sản, quyết định xem xét thẩm định tại chỗ. Quá trình xem xét thẩm định, định giá ngày 22/12/2021 xác định được: Diện tích đất đang tranh chấp là 541,2m2 nằm trong diện tích đất 6267,2m2 tại thửa dố 35 tờ bản đồ số 8, mốc giới: Phía Bắc tiếp giáp thửa đất hộ ông Nguyễn Tiến S; phía Nam tiếp giáp diện tích đất hiện bà Nguyễn Thị T đang sử dụng; phía Đông tiếp giáp diện tích đất hiện bà Nguyễn Thị T đang sử dụng; phia Tây tiếp giáp đường giao thông. Đã được hội đồng định giá: 600.000đ/ m2 đất ở, 92.200đ/ m2 đất vườn. 180 cây keo một năm tuổi, có giá là 5.000đ/ cây.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát phát biểu: Hoạt động tố tụng dân sự của Toà án nhân dân huyện Đ trong việc thụ lý, thu thập chứng cứ, giải quyết và xét xử đối với vụ án là đúng quy định của pháp luật. Về quan điểm giải quyết :

Căn cứ: Điều 158; Điều 160; khoản 1 Điều 161; khoản 1 Điều 163; Điều 189 của Bộ luật dân sự. Khoản 9 Điều 26, Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a, c khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 165 ; Khoản 1, 2 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 202, khoản 1 Điều 203 Luật đất đai.

Căn cứ: Điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 2 Điều 26; khoản 2 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, giảm, miễn nộp án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T đối với bà Trần Thị Mai.

Buộc bị đơn bà Trần Thị M phải trả cho bà Nguyễn Thị T diện tích đất 541,2m2 tại thửa số 35, tờ bản đồ số 8, địa chỉ: Khu 1, xã S, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ (Trước đây là thôn 4, xã S) đã được UBND huyện Đ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T 816555 ngày 26/02/2003 đứng tên hộ ông Mai Xuân M.

Buộc Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Đào Mạnh T1 phải thu hoạch, di dời 180 cây keo 01 năm tuổi trên diện tích đất 541,2m2.

Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ (chi phí đo đạc) và định giá :

Buộc bị đơn là bà Trần Thị M phải trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ (chi phí đo đạc) và định giá là 9.700.00đ (chín triệu bẩy trăm nghìn đồng).

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trần Thị M được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ pháp luật và đối tượng tranh chấp: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị T khởi kiện yêu cầu bà Trần Thị M trả lại diện tích đất 541,2m2 tại thửa số 35, tờ bản đồ số 8, địa chỉ: Khu 1, xã S, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ (Trước đây là thôn 4, xã S) đã được UBND huyện Đ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T 816555 ngày 26/02/2003 đứng tên hộ ông Mai Xuân M . Đây là vụ án có quan hệ pháp luật là 'tranh chấp về quyền sử dụng đất' theo quy định tại khoản 9 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về điều kiện thụ lý: Tranh chấp quyền sử dụng đất giữa bà Nguyễn Thị T và bà Trần Thị M đã được Ủy ban nhân dân xã S, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ H giải nhưng không T nên thuộc trường hợp vụ án đã tiến hành H giải theo quy định tại Điều 202 Luật đất đai, đủ điều kiện thụ lý.

[3]. Về thủ tục tố tụng và thẩm quyền giải quyết: Bị đơn bà Trần Thị M có đăng ký hộ khẩu và diện tích đất hiện đang tranh chấp có địa chỉ tại Khu 1, xã S, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ nên nguyên đơn bà Nguyễn Thị T khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Phú Thọ là đúng theo quy định tại khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a, c khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bà Nguyễn Thị T, anh Mai Xuân H ủy quyền cho chị Mai Thị P tham gia tố tụng và bà Trần Thị M, anh Đào Mạnh T1 có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án căn cứ khoản 1, 2 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử.

[4]. Về nội dung tranh chấp: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị T khởi kiện bà Trần Thị M phải trả cho bà Nguyễn Thị T diện tích đất 541,2m2 nằm trong diện tích đất 6268m2 tại thửa 35, tờ bản đồ số 8, địa chỉ thôn 01, xã S, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ đã được UBND tỉnh Phú Thọ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T 816555 cấp ngày 26/02/2003 đứng tên hộ ông Mai Xuân M và yêu cầu anh Đào Mạnh T1 phải phải thu hoạch toàn bộ cây hoa màu trên đất để trả lại quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Thị T.

Xét yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T là có căn cứ bởi lẽ: Theo các tài liệu của nguyên đơn xuất trình như: Sổ địa chính lập ngày 20/8/2022, Bản đồ giải thửa, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T 816555 do Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp ngày 26/2/2003 đứng tên Hộ ông Mai Xuân M. Kết quả xem xét thẩm định tại chỗ, kết quả xác minh thì diện tích đất 541,2m2 hiện bà Trần Thị M đang sử dụng và bà M cho anh Đào Mạnh T1 trồng cây là diện tích đất thuộc số thửa 35, số bản đồ 08 nằm trong diện tích đất 6268m2, địa chỉ khu 1, xã S, huyện Đ thuộc quyền sử dụng hợp pháp của hộ ông Mai Xuân M (chồng bà Nguyễn Thị T). Mặt

khác, tại biên bản H giải ngày 30/3/2022 bà Trần Thị M và anh Đào Mạnh T1 cũng thừa nhận diện tích đất trên thuộc quyền sử dụng của bà Nguyễn Thị T. Việc bà Trần Thị M và anh Đào Mạnh T1 trình bày diên tích đất bà Nguyễn Thị T đang khởi kiện là của bà Trần Thị M khai hoang từ lâu nhưng không có tài liệu, chứng cứ gì chứng M. Xác minh tại Uỷ ban nhân dân xã và Uỷ ban nhân dân huyện Đ đều xác nhận phần diện tích đất hiện đang tranh chấp giữa bà Nguyễn Thị T với bà Trần Thị M là diện tích đất đã được Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Mai Xuân M (ông M là chồng bà T). Do vậy cần buộc bà Trần Thị M phải trả lại cho bà Nguyễn Thị T quyền sử dụng diện tích đất 541,2m2. Về tài sản trên diện tích đất có 180 cây keo một năm tuổi tài sản thuộc quyền sử dụng của anh Đào Mạnh T1 nhưng anh T1 đã tự ý trồng trên diện tích đất thuộc quyền sử dụng của bà Nguyễn Thị T. Tại biên bản hòa giải ngày 30/3/2022 anh Đào Mạnh T1 cũng thừa nhận và tự nguyện tự thu hoạch 180 cây keo để trả lại quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Thị T. anh Đào Mạnh T1 là người có lỗi nên cần buộc anh Đào Mạnh T1 phải thu hoạch toàn bộ các cây đã trồng trên diện tích đất 541,2m2 để trả lại diện tích đất cho bà Nguyễn Thị T. Bà Nguyễn Thị T không phải bồi thường lại giá trị tài sản trên đất cho anh Đào Mạnh T1.

[5]. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ (đo đạc), định giá tài sản: Căn cứ vào khoản 1 Điều 165 của Bộ luật tố tụng dân sự, yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T được chấp nhận nên cần buộc bà Trần Thị M phải hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị T số tiền đo đạc, thẩm định diện tích đất là 9.700.000đ (chín triệu bẩy trăm nghìn đồng).

[6] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T được chấp nhận nên cần buộc bà Trần Thị M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nhưng bà Trần Thị M là người cao tuổi nên cần miễn án phí dân sự cho bà Trần Thị M.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ: Điều 158; Điều 160; khoản 1 Điều 161; khoản 1 Điều 163; Điều 189 của Bộ luật dân sự. Khoản 9 Điều 26; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a, c khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 165 ; Khoản 1, 2 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 202; khoản 1 Điều 203 của Luật đất đai.

- Căn cứ: Điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 2 Điều 26; khoản 2 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, giảm, miễn nộp án phí, lệ phí Tòa án.

1. Xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T đối với bà Trần T1 Mai.

- Buộc bị đơn bà Trần Thị M phải trả cho bà Nguyễn Thị T diện tích đất 541,2m2 tại thửa số 35, tờ bản đồ số 8, địa chỉ: Khu 1, xã S, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ (Trước đây là thôn 4, xã S) đã được UBND huyện Đ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T 816555 ngày 26/02/2003 đứng tên hộ ông Mai Xuân M, có mốc giới

theo sơ đồ như sau: Phía Bắc từ điểm 1 đến điểm 2 = 1.71m, điểm 2 đến điểm 3 = 29.60m tiếp giáp thửa đất hộ ông Nguyễn Tiến Sơn; phía Nam từ điểm 32 đến điểm 33 = 28.15m tiếp giáp diện tích đất hiện bà Nguyễn Thị T đang sử dụng; phía Đông từ điểm 3 đến điểm 33 tiếp giáp diện tích đất hiện bà Nguyễn Thị T đang sử dụng; phia Tây từ điểm 1 đến điểm 32 = 18.62m tiếp giáp đường giao thông. (có sơ đồ kèm theo)

- Buộc Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Đào Mạnh T1 phải thu hoạch, di dời 180 cây keo 01 năm tuổi trên diện tích đất 541,2m2 tại thửa số 35, tờ bản đồ số 8, địa chỉ: Khu 1, xã S, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ (Trước đây là thôn 4, xã S) đã được UBND huyện Đ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T 816555 ngày 26/02/2003 đứng tên hộ ông Mai Xuân M.

2. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ (chi phí đo đạc) và định giá :

- Buộc bị đơn là bà Trần Thị M phải trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ (chi phí đo đạc) và định giá là 9.700.00đ (chín triệu bẩy trăm nghìn đồng).

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Trần Thị M được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có mặt có quyền kháng cáo lên Toà án nhân dân tỉnh Phú Thọ để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được giao bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết tại chính quyền địa phương.

Nơi nhận:
- VKS huyện, tỉnh;
- Chi cục thi hành án DS;
- UBND xã S;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Anh Tuấn

Toµ ¸n nh©n d©n
viÖt nam
huyÖn Đ
phóc
tØnh phó thä

céng hoµ x· héi chñ nghÜa

Séc lËp - Tù do- H¹nh

bi¸n b¶n nghÞ ¸n

Vào hồi.....giờ.....phút, ngày 27 tháng 4 năm 2022
Tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Phú Thọ.
Víi Héi ®ång xÐt xö s¬ thÈm gåm cã:
- ThÈm ph¸n - Chñ to¹ phi¸n toµ: Ông **Nguyễn Anh Tuấn.**
- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông **Nguyễn Đình Đại.**
Ông **Hoàng Đình Hà.**

TiÕn hµnh nghÞ ¸n vô ¸n dân sự thụ lý số: 80/2021/ TLST - DS ngày 11 tháng 10 năm 2021 về việc "Tranh chấp quyền sử dụng đất" gi÷a:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T- sinh năm 1944.

Người được ủy quyền của bà T: Chị Mai Thị P- sinh năm 1986.

Đều có địa chỉ: Khu 1, xã S, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ. Có mặt.

- Bị đơn: Bà Trần Thị M- sinh năm 1948.

Địa chỉ: Khu 1, xã S, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1, Chị Mai Thị P- sinh năm 1986.

Địa chỉ: Khu 1, xã S, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ. Có mặt.

2, Chị Mai Thị Bích Th- sinh năm 1979.

Địa chỉ: Khu 3, xã X, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang. Có mặt.

3, Anh Mai Xuân H- sinh năm 1976.

Địa chỉ: Tổ dân phố 3, phường B, T phố R, tỉnh Khánh H.

Người đại diện theo ủy quyền của anh H: Chị Mai Thị P- sinh năm 1986.

Địa chỉ: Khu 1, xã S, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ. Có mặt.

4, Anh Đào Mạnh T1- sinh năm 1976.

Địa chỉ: Khu 1, xã S, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

C¨n cø vµo tµi liÖu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:

- VÒ ®iÒu luËt:

- Căn cứ: Điều 158; Điều 160; khoản 1 Điều 161; khoản 1 Điều 163; Điều 189 của Bộ luật dân sự. Khoản 9 Điều 26; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a, c khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 165 ; Khoản 1, 2 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 202; khoản 1 Điều 203 của Luật đất đai.

- Căn cứ: Điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 2 Điều 26; khoản 2 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, giảm, miễn nộp án phí, lệ phí Tòa án.

BiÓu quyÕt: nhất trí 3/3=100%

- VÒ ®ưêng lèi gi¶i quyÕt:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T đối với bà Trần T1 Mai.

- Buộc bị đơn bà Trần Thị M phải trả cho bà Nguyễn Thị T diện tích đất 541,2m2 tại thửa số 35, tờ bản đồ số 8, địa chỉ: Khu 1, xã S, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ (Trước đây là thôn 4, xã S) đã được UBND huyện Đ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T 816555 ngày 26/02/2003 đứng tên hộ ông Mai Xuân M, có mốc giới theo sơ đồ như sau: Phía Bắc từ điểm 1 đến điểm 2 = 1.71m, điểm 2 đến điểm 3 = 29.60m tiếp giáp thửa đất hộ ông Nguyễn Tiến Sơn; phía Nam từ điểm 32 đến điểm 33 = 28.15m tiếp giáp diện tích đất hiện bà Nguyễn Thị T đang sử dụng; phía Đông từ điểm 3 đến điểm 33 tiếp giáp diện tích đất hiện bà Nguyễn Thị T đang sử

dụng; phia Tây từ điểm 1 đến điểm 32 = 18.62m tiếp giáp đường giao thông. (có sơ đồ kèm theo)

- Buộc Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Đào Mạnh T1 phải thu hoạch, di dời 180 cây keo 01 năm tuổi trên diện tích đất 541,2m2 tại thửa số 35, tờ bản đồ số 8, địa chỉ: Khu 1, xã S, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ (Trước đây là thôn 4, xã S) đã được UBND huyện Đ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T 816555 ngày 26/02/2003 đứng tên hộ ông Mai Xuân M.

- Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ (chi phí đo đạc) và định giá :

- Buộc bị đơn là bà Trần Thị M phải trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ (chi phí đo đạc) và định giá là 9.700.00đ (chín triệu bẩy trăm nghìn đồng).

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Trần Thị M được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được T1 hành theo quy định tại Điều 2 Luật T1 hành án dân sự thì người được T1 hành án dân sự, người phải T1 hành án dân sự có quyền thoả thuận T1 hành án, quyền yêu cầu T1 hành án, tự nguyện T1 hành án hoặc bị cưỡng chế T1 hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật T1 hành án dân sự; thời hiệu T1 hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật T1 hành án dân sự.

- Tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự.

BiÓu quyÕt: nhất trí 3/3=100%

Nghị án kết thúc vào hồi.....giờ.....phút, ngày 27 tháng 4 năm 2022

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả T viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

T VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

T VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:
- VKS huyện, tỉnh;
- Chi cụcT1 hành án DS;
- UBND xã S;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Anh Tuấn

Toµ ¸n nh©n d©n
viÖt nam
huyÖn Đ
phóc
tØnh phó thä

céng hoµ x· héi chñ nghÜa

Séc lËp - Tù do- H¹nh

biªn b¶n nghÞ ¸n

Vào hồi.....giờ.....phút, ngày 30 tháng 8 năm 2021

Tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Phú Thọ.

Víi Héi ®ång xÐt xö s¬ thÈm gåm cã:

- *ThÈm ph¸n - Chñ to¹ phiªn toµ:* Ông **Nguyễn Anh Tuấn**
- *Các Hội thẩm nhân dân :* Ông **Nguyễn Huy Chính**

Ông **Nguyễn Văn Bình**

TiÕn hµnh nghÞ ¸n vô ¸n dân sự thụ lý số: 64/2021/ TLST - DS ngày 29 tháng 3 năm 2021 về việc "Tranh chấp quyền sử dụng đất" gi÷a:

Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Hà-** sinh năm 1972.

Trú tại: Tổ 19B, khu B2, phường Nông Trang, T phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.

Người đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn: Ông **Nguyễn Văn Sửu-** sinh năm 1961.

Trú tại: Thôn 03, xã Vụ Quang, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Nguyên đơn: Ông **Nguyễn Tiến Đạt-** sinh năm 1948.

Trú tại: Khu M Bột, phường M Nông, T phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.

Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị Luyến-** sinh năm 1978 và ông **Nguyễn Văn T1ện-** sinh năm 1978.

(Ông T1ện ủy quyền cho bà Luyến tham gia tố tụng).

Đều trú tại: Thôn 03, xã Vụ Quang, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1, Ông **Nguyễn Văn Sửu-** sinh năm 1961.

Trú tại: Thôn 03, xã Vụ Quang, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ.

2, Bà **Nguyễn Thị Phong-** sinh năm 1962 (Vợ ông Sửu).

(Bà Phong ủy quyền cho ông Sửu tham gia tố tụng).

Trú tại: Thôn 03, xã Vụ Quang, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ.

3, Ông **Nguyễn Xuân Túc-** sinh năm 1952.

Trú tại: Thôn 03, xã Vụ Quang, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ.

4, Chị **Nguyễn Thị Kim Anh** – sinh năm 1998.

Trú tại: Thôn 03, xã Vụ Quang, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ.

5, Chị **Nguyễn Thị Hiền** – sinh năm 1995.

Trú tại: Thôn Kim Xuyên, xã Hồng Lạc, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang.

6, Anh **Bùi Anh Trang-** sinh năm 1992.

7, Anh **Bùi Văn Thanh-** sinh năm 1994.

8, Bà **Cao Thị Mạc** – sinh năm 1927.

Đều trú tại: Tổ 19B, khu 2B, phường Nông Trang, T phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.

9, **UBND huyện Đ, tỉnh Phú Thọ**. Người đại diện theo pháp luật: Ông Đào Quý Cường- Chủ tịch. Người được ông Cường ủy quyền: Ông Nguyễn Hùng Luân – Chức vụ: Trưởng phòng tài nguyên và môi trường huyện Đ.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Sửu: Ông **Nguyễn Tiến Đạt-** sinh năm 1948.

Trú tại: Khu M Bột, phường M Nông, T phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.

Ông Đạt, ông Sửu, bà Luyến, ông Túc có mặt.

Anh Thanh, anh Trang, chị Kim Anh, chị Hiền, ông Luân có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Bà Mạc vắng mặt.

C¨n cø vµo tµi liÖu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:

- VÒ ®iÒu luËt: Căn cứ các Điều 255, 688 Bộ luật dân sự 2005; các Điều158, 160, 161, 163, 164, 166, 189, 221, 357, 468 của Bộ luật dân sự 2015; Điều 50 Luật đất đai năm 2003; các Điều 97, 98, 99, 100, 202, khoản 1 Điều 203 Luật đất đai năm 2013;

- Căn cứ khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, Điều 228, khoản 1 Điều 147, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326, ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

- VÒ ®ưêng lèi gi¶i quyÕt:

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Hà.

- Buộc vợ chồng chị Nguyễn Thị Luyến, anh Nguyễn Văn T1ện phải trả lại diện tích đất 182m2, thuộc thửa đất số 301, tờ bản đồ số 7, tại thôn 3, xã Vụ Quang, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ trị giá 200.200.000đ *(Hai trăm triệu hai trăm nghìn đồng chẵn)* có vị trí số đo các cạnh, mốc giới: Phía Bắc có chiều rộng từ điểm 1đến điểm 18= 18,65m tiếp giáp đường tỉnh lộ 323 ; Phía Nam có chiều rộng từ điểm 19 đến điểm 20= 17,36m tiếp giáp diện tích đất hiện ông Sửu đang sử dụng ; Phía Đông có chiều sâu từ điểm 18 đến điểm 19= 10,9m tiếp giáp diện tích đất hiện ông Sửu đang sử dụng ; Phía Tây có chiều sâu từ điểm 20 đến điểm 1= 9,2m tiếp giáp diện tích

đất hiện ông Sửu đang sử dụng cho bà Nguyễn Thị Hà được quyền sử dụng (có sơ đồ kèm theo).

- Giao cho bà Nguyễn Thị Hà được quyền sử dụng những tài sản của bà Nguyễn Thị Luyến và ông Nguyễn Văn T1ện trên diện tích đất 182m2: 01 nhà cấp 4 có diện tích 63m2 trị giá 75.600.000đ ; 01 nhà bếp có diện tích 13,8m2 trị giá 12.420.000đ ; 01 nhà vệ sinh + bể nước diện tích 19,8m2 trị giá 15.840.000đ ; 01 chuồng gà diện tích 14mm2 trị giá 2.000.000đ ; 01 sân có diện tích 50m2 trị giá 5.000.000đ ; 01 cây xoài 25 năm tuổi trị giá 1.400.000đ. Tổng trị giá tài sản là 112.260.000đ (Một trăm mười hai triệu hai trăm sáu mươi nghìn đồng).

- Buộc bà Nguyễn Thị Hà thanh toán cho vợ chồng ông Nguyễn Văn T1ện bà Nguyễn Thị Luyến số tiền 112.260.000 (Một trăm mười hai triệu hai trăm sáu mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp Cơ quan T1 hành án có quyền chủ động ra quyết định T1 hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu T1 hành án của người được T1 hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được T1 hành án) cho đến khi T1 hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải T1 hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải T1 hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

VÒ ¸n phÝ ly h«n s¬ thÈm: - Bà Nguyễn Thị Hà không phải nộp án phí dân sự sơ thẩm, trả lại cho bà Hà số tiền tạm ứng án phí là 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) theo biên lai số AA/2012/01494, ngày 08/4/2015 tại Chi cục T1 hành án dân sự huyện Đ. Buộc bà Nguyễn Thị Luyến, ông Nguyễn Văn T1ện phải nộp 10.010.000đ (Mười triệu không trăm mười nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được T1 hành theo quy định tại Điều 2 Luật T1 hành án dân sự thì người được T1 hành án dân sự, người phải T1 hành án dân sự có quyền thoả thuận T1 hành án, quyền yêu cầu T1 hành án, tự nguyện T1 hành án hoặc bị cưỡng chế T1 hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật T1 hành án dân sự; thời hiệu T1 hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật T1 hành án dân sự.

BiÓu quyÕt: nhất trí 3/3=100%

Nghị án kết thúc vào hồi.....giờ.....phút, ngày 30 tháng 8 năm 2021

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả T viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

T VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Huy Chính **Nguyễn Văn Bình** **Nguyễn Anh Tuấn**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH PHÚ THỌ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH PHÚ THỌ
Với T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà: Ông **Nguyễn Anh Tuấn**
Các hội thẩm nhân dân:
1. Ông: **Nguyễn Đình Đại.**
2. Bà: **Trần Thị Lan.**
Căn cứ vào các Điều 235, 264 của Bộ luật tố tụng dân sự:

Vào hồi giờ phút ngày 14 tháng 5 năm 2021, tại phòng nghị án, Hội đồng xét xử sơ thẩm đã tiến hành nghị án đối với vụ án dân sự về việc: "Tranh chấp quyền sử dụng đất" giữa các đương sự:

Nguyên đơn: 1. Ông Đỗ M Hải– Sinh năm 1986.
Địa chỉ: Khu Hành chính Đồng Tâm, thị trấn Đ, tỉnh Phú Thọ.
2. Bà Đặng Thị Huyền Châm- sinh năm 1990.
Địa chỉ: Khu Hành chính Đồng Tâm, thị trấn Đ, tỉnh Phú Thọ.
Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Trần Thị Thanh Hương- sinh năm 1970.
Địa chỉ: Khu Hành chính Đồng Tâm, thị trấn Đ, tỉnh Phú Thọ *(Có mặt)*.
Bị đơn: Bà Hà Thị Nghĩa– Sinh năm 1958.
Địa chỉ: Khu Hành chính Tân Long, thị trấn Đ, tỉnh Phú Thọ (vắng mặt).

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Ủy Ban nhân dân huyện Đ:

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đào Quý Cường- Chức vụ chủ tịch Ủy Ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Phú Thọ.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Đào Quý Cường: Ông Nguyễn Hùng Luân- Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường Ủy Ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Phú Thọ.

Địa chỉ: Khu Hành chính Đồng Tâm, thị trấn Đ, tỉnh Phú Thọ *(Có mặt)*.

2. Ủy Ban nhân dân thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Xuân Hải- Chức vụ chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ.

Địa chỉ: Thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ *(Có đơn xin xét xử vắng mặt)*.

3. Ông Lê Ngọc Châu- sinh năm 1989.

Địa chỉ: Khu Hành chính Tân Long, thị trấn Đ, tỉnh Phú Thọ.

Hiện đang cai nghiện tại Cơ sở cai nghiện ma túy số 3, huyện Sóc Sơn, T phố Hà Nội (có đơn xin xét xử vắng mặt).

3. Anh Lê M Ngọc- sinh năm 1987.

Địa chỉ: Khu Hành chính Tân Long, thị trấn Đ, tỉnh Phú Thọ *(vắng mặt)*.

Những người làm chứng:

1. Ông Nguyễn Đức Giang- Sinh năm 1954.

Địa chỉ: Khu Đoàn kết, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Phú thọ.

2. Ông Nguyễn Đức Tính- Sinh năm 1951.

Địa chỉ: Khu Tân Long, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ.

3. Ông Ngô Lưu Niệm- Sinh năm 1946.

Địa chỉ: Khu Tân Long, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ.

4. Ông Lê Xuân Hồng- Sinh năm 1960.

Địa chỉ: Khu Đoàn kết, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Phú thọ.

5. Anh Nguyễn Quang Huy- sinh năm 1981.

Địa chỉ: Khu Đầu Lô, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Phú thọ.

(anh Huy có mặt, ông Giang, ông Tính, ông Niệm và ông Hồng đều vắng mặt tại phiên tòa).

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả việc hỏi tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện ý kiến của những người tham gia tố tụng; Hội đồng xét xử thảo luận về những vấn đề phải giải quyết trong vụ án như sau:

1- Về Điều áp dụng:

Căn cứ: Khoản 9 Điều 26; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a, c khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố

tụng dân sự. Điều 158, khoản 1 Điều 166, Điều 189 của Bộ luật dân sự. Điều 202, khoản 1 Điều 203 Luật đất đai; Điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 2 Điều 26; khoản 2 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, giảm, miễn nộp án phí, lệ phí Tòa án.

(Kết quả biểu quyết: 3/3)

2. Về nội dung xét xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ M Hải, bà Đặng Thị Huyền Châm đối với bà Hà Thị Nghĩa.

- Buộc bị đơn bà Hà Thị Nghĩa phải trả cho ông Đỗ M Hải, bà Đặng Thị Huyền Châm diện tích đất ở 80m2 ở thửa đất số 89- 14, tờ bản đồ số 19, địa chỉ: Khu Tân Long, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ, đã được UBND huyện Đ, tỉnh Phú Thọ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CR 839273 ngày 10/6/2019, đứng tên ông Đỗ M Hải, bà Đặng Thị Huyền Châm có mốc giới như sau:

Phía Bắc có chiều rộng 4m (điểm 2- điểm 3) tiếp giáp đường Quốc lộ 2.

Phía Nam có chiều rộng 4m (điểm 14- điểm 15) tiếp giáp đất rừng Ủy ban nhân dân thị trấn Đ.

Phía Đông có chiều sâu 20m (điểm 3- điểm 14) tiếp giáp thửa đất đứng tên bà Đặng Thị Hải.

Phía Tây có chiều sâu 20m (điểm 2- điểm 15) tiếp giáp thửa đất đứng tên ông Đặng M Hải.

(Có sơ đồ kèm theo)

- Buộc bị đơn bà Hà Thị Nghĩa phải tháo dỡ, di dời 44,62m2 nhà lợp mái tôn; 01 cây mít 02 năm tuổi; 02cây xoan 02 năm tuổi; 02 cây bưởi 02 năm tuổi; 01 búi hóp; 01 cây đu đủ và 04m bờ rào tạm cắm Ploximang, trên diện tích đất tranh chấp 80m2 ở thửa đất số 89- 14, tờ bản đồ số 19, địa chỉ: Khu Tân Long, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ, đã được UBND huyện Đ, tỉnh Phú Thọ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CR 839273 ngày 10/6/2019, đứng tên ông Đỗ M Hải, bà Đặng Thị Huyền Châm.

(Kết quả biểu quyết: 3/3)

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Trả lại cho ông Đỗ M Hải số tiền tạm ứng án phí 300.000đ do bà Trần Thị Thanh Hương đã nộp thay theo biên lai số: AA/2020/0001902 ngày 5/10/2020 tại Chi cục T1 hành án dân sự huyện Đ.

Miễn án phí dân sự cho bà Hà Thị Nghĩa.

Trường hợp bản án được T1 hành theo quy định tại Điều 2 Luật T1 hành án dân sự thì người được T1 hành án dân sự, người phải T1 hành án dân sự có quyền thỏa thuận T1 hành án, quyền yêu cầu T1 hành án, tự nguyện T1 hành án hoặc bị cưỡng chế T1 hành án theo quy định tại các Điều 6,7,9 Luật T1 hành án dân sự, thời hiệu T1 hành án được thực hiện theo quy định tại các Điều 30 Luật T1 hành án dân sự.

Tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự.

(Kết quả biểu quyết: 3/3)

Biên bản kết thúc vào hồi giờ phút cùng ngày.

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

T VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Anh Tuấn

- Bà Nguyễn Thị Hà phải nộp 5.613.000 (Năm triệu sáu trăm mười ba nghìn đồng). Xác nhận bà Hà đã nộp số tiền tạm ứng án phí là 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) theo biên lai số AA/2012/01494, ngày 08/4/2015 tại Chi cục T1 hành án dân sự huyện Đ. Bà Hà còn phải nộp 5.413.000đ (Năm triệu bốn trăm mười ba nghìn đồng).

***Nơi nhận*:**
- VKS huyện, tỉnh;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS;
- Lưu hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA